

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2020/DS-ST
Ngày 27-4-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng

Ông Huỳnh Văn Năm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST- DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Lâm Thị N** – sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh C .; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Bình D** và bà **Đoàn Thị N**. Cùng địa chỉ: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh C .; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, bà Lâm Thị N trình bày:

Bà là chủ hụi, ông D và bà N là hụi viên và có tham gia các dây hụi của bà cụ thể như sau:

Ngày 02/9/2015 âm lịch bà có mở 02 dây hụi do bà làm chủ hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi 01 lần, dây hụi có 35 chung hụi.

Dây hụi thứ nhất: Ông D và bà N có tham gia 01 chung. Bị đơn đã đồng hụi đến kỳ hụi thứ 12 (tháng 08/2016) thì hốt hụi và đã nhận tiền đầy đủ nhưng sau đó không đồng hụi chết cho đến nay. Dây hụi này hiện đã mãn và bị đơn còn nợ lại bà số tiền của 23 kỳ hụi chết x 1.000.000 đồng/kỳ = 23.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Ông D và bà N có tham gia 01 chung. Đến kỳ hội thứ 03 (ngày tháng 11/2015) thì bị đơn hốt hội và đã nhận tiền đầy đủ nhưng sau đó không đóng hội chết cho đến nay. Dây hội này hiện đã mãn và bị đơn còn nợ lại bà số tiền của 32 kỳ hội chết $\times 1.000.000$ đồng/kỳ = 32.000.000 đồng.

Như vậy đối với 02 dây hội trên, phía bị đơn đã nợ bà tổng số tiền là 55.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía bị đơn đã trả dần được cho bà số tiền là 35.700.000 đồng và hiện vẫn nợ lại bà số tiền là 19.300.000 đồng.

Bà yêu cầu phía bị đơn có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền nợ hội là 19.300.000 đồng và bà không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Bình D và bà Đoàn Thị N vẫn vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Bình D và bà Đoàn Thị N có nơi cư trú tại ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà N khởi kiện yêu cầu ông D và bà N trả số tiền nợ hội là 19.300.000 đồng và không yêu cầu gì khác. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp hội" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà N là người khởi kiện, ông D và bà N là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự bà N là nguyên đơn, ông D và bà N là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà N vắng mặt nhưng bà có đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt bà. Ông D và bà N đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn xác định bị đơn có tham gia các dây hội do nguyên đơn làm chủ hội vào thời gian nêu trên, bị đơn chủ động hốt hội, đã nhận tiền đầy đủ nhưng không đóng hội chết cho chủ hội, hiện vẫn còn nợ lại nguyên đơn với số tiền là 19.300.000 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên nhưng bị đơn chỉ hứa hẹn mà cố tình không thực hiện, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền là 19.300.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui đến thời điểm hiện tại là 19.300.000 đồng, về khoản nợ này, nguyên đơn chứng minh việc có tham gia các dây hui bằng danh sách ghi chép thông tin của các hui viên và số chân hui mà mỗi hui viên tham gia dây hui do nguyên đơn làm chủ và theo dõi. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án có tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để tiến hành hòa giải, xét xử nhưng ông D và bà N không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn, điều đó thể hiện về mặt ý thức, bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đối với số tiền mà nguyên đơn yêu cầu. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận việc bị đơn có tham gia các dây hui do nguyên đơn làm chủ hui như nguyên đơn trình bày là thực tế có xảy ra, số tiền nợ hui nguyên đơn yêu cầu phù hợp với tài liệu mà nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ vụ án nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 19.300.000 đồng và không có yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất phát sinh.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Bình D và bà Đoàn Thị Nguyên phải chịu $19.300.000 \text{ đồng} \times 5\% = 965.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lâm Thị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, Điều 146, Điều 147, Điều 196, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244, khoản 1 Điều 273, Điều 283 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Bình D và bà bà Đoàn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị N số tiền 19.300.000 (mười chín triệu ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Bình D và bà Đoàn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 965.000 đồng (chín trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng. Bà Lâm Thị N không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp